



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II/2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

---

### MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2016	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính Quý II năm 2016	4
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 23

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.500.813.051.929</b>	<b>1.527.240.260.643</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>23.771.620.925</b>	<b>22.026.575.465</b>
1. Tiền	111		10.271.620.925	22.026.575.465
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>311.495.830.972</b>	<b>211.080.462.538</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.642.385.928	26.942.932.036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	156.809.848.534	180.307.725.457
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	82.038.558.894	3.829.805.045
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		5.037.616	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.150.194.449.873</b>	<b>1.277.761.006.836</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	1.150.194.449.873	1.277.761.006.836
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.351.150.159</b>	<b>16.372.215.804</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.269.516.100	1.401.769.651
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.080.634.059	4.969.446.153
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		10.001.000.000	10.001.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>852.159.570.398</b>	<b>787.396.226.786</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.379.058.828</b>	<b>43.824.782.451</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	32.923.456.869	14.663.313.451
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	8.883.555.000	8.883.555.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	10.572.046.959	20.277.914.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>115.176.206.319</b>	<b>118.690.942.679</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	103.088.496.174	106.274.334.642
Nguyên giá	222		143.954.306.165	143.153.696.615
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.865.809.991)	(36.879.361.973)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	12.087.710.145	12.416.608.037
Nguyên giá	228		15.782.528.159	15.743.688.159
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.694.818.014)	(3.327.080.122)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	12	<b>556.929.015.119</b>	<b>491.956.106.665</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		551.166.007.445	486.172.038.991
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.763.007.674	5.784.067.674
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>38.390.200.000</b>	<b>43.890.200.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	38.390.200.000	43.890.200.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>89.285.090.132</b>	<b>89.034.194.991</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	33.094.235.621	29.376.129.099
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		489.434.449	218.193.871
5. Lợi thế thương mại	269	15	55.701.420.062	59.439.872.021
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.352.972.622.327</b>	<b>2.314.636.487.429</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tt)

Tại ngày 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.260.801.652.865</b>	<b>1.312.519.838.935</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>367.980.123.088</b>	<b>248.136.801.348</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	16	50.163.880.714	48.683.277.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	193.511.037.030	96.305.734.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	94.100.589.572	69.676.400.657
4. Phải trả người lao động	314		2.873.710.431	5.510.961.587
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		201.670.000	1.506.036.592
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	5.454.545
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.568.168.065	5.184.076.013
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	10.800.016.000	14.400.016.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	10.761.051.276	6.864.843.391
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>892.821.529.777</b>	<b>1.064.383.037.587</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	11.209.391
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	16.240.583.597	100.587.488.981
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	22	835.273.254.590	922.376.639.625
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	41.307.691.590	41.407.699.590
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.092.170.969.462</b>	<b>1.002.116.648.494</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	23	<b>1.092.170.969.462</b>	<b>1.002.116.648.494</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.000.000.000	750.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.138.104.467	4.138.104.467
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		287.009.472.338	207.194.713.833
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		200.946.548.873	207.194.713.833
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.062.923.465	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.023.392.657	40.783.830.194
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.352.972.622.327</b>	<b>2.314.636.487.429</b>

Người lập biểu

BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 07 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



LÊ KỶ PHÙNG



Mẫu số B02a-DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư 202/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Trưởng BTC)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý II năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		100.320.707.692	187.153.001.931	249.440.104.158	234.991.462.272	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.292.709.017	1.331.847.286	4.035.237.926	1.331.847.286	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	97.027.998.675	185.821.154.645	245.404.866.232	233.659.614.986	
4. Giá vốn hàng bán	11	25	761.021.077	100.680.175.510	79.097.762.616	125.383.309.660	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.266.977.599	85.140.979.135	166.307.103.616	108.276.305.326	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	26.904.437	291.806.461	63.425.040	600.991.987	
7. Chi phí tài chính	22	27	20.968.661	44.661.694	47.164.926	64.513.723	
8. Trong đó, chi phí lãi vay	23		20.968.661	44.661.694	47.164.926	64.513.723	
9. Chi phí bán hàng	24		-	1.470.000	-	-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	4.173.557.992	11.338.548.115	11.815.716.081	13.167.728.266	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26	29	12.394.035.362	9.309.145.527	25.281.878.100	15.878.654.509	
12. Thu nhập khác	30	30	79.705.320.020	64.741.900.260	129.225.769.549	79.766.400.815	
13. Chi phí khác	31		219.540.923	410.635.601	468.437.062	432.377.445	
14. Lợi nhuận khác	32		4.554.878.832	3.241.108	4.574.995.494	3.790.957	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		(4.335.337.909)	407.394.493	(4.106.558.432)	428.586.488	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		75.369.982.111	65.149.294.753	125.119.211.117	80.194.987.303	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	31	18.399.697.189	14.792.843.292	28.612.428.647	18.584.688.237	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52	32	(113.238.560)	-	(271.240.578)	-	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60		57.083.523.482	50.356.451.461	96.778.023.048	61.610.299.066	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		51.060.850.590	44.598.209.551	86.062.923.465	54.624.984.826	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62		6.022.672.892	5.758.241.910	10.715.099.583	6.985.314.240	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	33	598	591	1.064	724	
	71	33	506	501	902	614	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 07 năm 2016  
CÔNG CHỨC TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BÙI ÁI HIỀN

LÊ KỶ PHÙNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp) Quý II năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.119.211.117	80.194.987.303
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		4.354.185.910	3.168.634.998
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(63.425.040)	(618.585.987)
Chi phí lãi vay	06		47.064.926	64.513.723
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.457.036.913	82.809.550.037
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(102.580.832.717)	60.494.187.582
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		127.566.556.963	47.287.520.985
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(70.116.814.602)	92.686.268.623
Tăng giảm chi phí trả trước	12		152.598.988	336.655.770
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.064.926)	(2.570.986.743)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.410.000.000)	(2.200.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		590.000.000	182.201.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.417.494.195)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.193.986.424	279.025.397.254
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(65.812.358.004)	(150.290.641.267)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(128.378.389.250)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.425.040	618.585.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.748.932.964)	(278.050.444.530)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	721.614.926
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.700.008.000)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.700.008.000)	(2.878.385.074)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.745.045.460	(1.903.432.350)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.026.575.465	29.739.628.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23.771.620.925	27.836.196.038

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Nai, Ngày 28 tháng 07 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÙI ÁI HIỀN

VÕ ĐÌNH BAN

LÊ KỶ PHÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư LDG – tên cũ là Công ty Cổ phần Địa ốc Long Điền (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 3602368420, đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Trụ sở chính đặt tại số 104/4, ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Sàn Giao Dịch Bất Động Sản LDG tại số 104/4, ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.  
Chi nhánh Sàn Giao dịch Bất Động Sản Biên Hòa tại số R98 Võ Thị Sáu, Biên Hòa, Đồng Nai.

Chi nhánh Phú Quốc tại số 29, đường Hùng Vương, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.  
Văn phòng đại diện tại 63 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng đại diện tại 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3602368420 thay đổi lần thứ 10 ngày 20/10/2015 là 750.000.000.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>			
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đại Thịnh Phát (*)	57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.	95,01%	95,01%
Công Ty CP Du Lịch Giang Điền	104/4 Ấp Hòa Bình, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.	87,68%	87,68%
Công ty CP Đầu Tư Du Lịch Suối Mơ (**)	9 Ấp 6, Xã Trà Cỏ, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	93,99%	93,99%
Công ty TNHH Địa ốc Đảo Ngọc (***)	Tầng Lửng, Tòa nhà An Phú Plaza, 117-119 Lý Chính Thắng, Phường 07, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	87,68%	87,68%

(\*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đại Thịnh Phát bao gồm:

- Công ty sở hữu trực tiếp 60,20%;
- Công ty sở hữu gián tiếp 34,81% thông qua Công Ty CP Du Lịch Giang Điền;

(\*\*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty CP Đầu Tư Du Lịch Suối Mơ bao gồm:

- Công ty sở hữu trực tiếp 58,30%;
- Công ty sở hữu gián tiếp 35,69% thông qua Công Ty CP Du Lịch Giang Điền;

(\*\*\*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Địa ốc Đảo Ngọc bao gồm:

- Công ty sở hữu gián tiếp 87,68% thông qua Công Ty CP Du Lịch Giang Điền;

**Lĩnh vực kinh doanh**

Bất động sản và kinh doanh khu du lịch.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm

**Hàng tồn kho****Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, khi có những bằng chứng đáng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, Công ty tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình****Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
<input type="checkbox"/> Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
<input type="checkbox"/> Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
<input type="checkbox"/> Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 năm
<input type="checkbox"/> Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
<input type="checkbox"/> Cây lâu năm	04 – 40 năm
<input type="checkbox"/> Tài sản khác	03 – 05 năm

**Tài sản cố định vô hình****Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
<input type="checkbox"/> Phần mềm, website và tài sản vô hình khác	03 – 06 năm

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí hoa hồng môi giới được phân bổ khi doanh thu tương ứng với chi phí hoa hồng được ghi nhận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Nguyên tắc kế toán nợ phải trả****Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một (1) năm (hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một (1) năm (hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là nợ dài hạn.

**Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động, hạch toán vào chi phí hoạt động là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên 1%.
- Theo luật Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng tỷ lệ như đã nêu trên của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

**Chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

**Vốn chủ sở hữu****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

**Quỹ dự trữ**

Quỹ đầu tư và phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập theo nghị quyết Đại hội cổ đông dựa trên lợi nhuận sau thuế trước khi chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ góp vốn.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### Doanh thu, thu nhập khác

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu nhập do khách chuyển nhượng lại hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

##### Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

##### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

##### Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm***Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu và trình bày***Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay ngân hàng.

**Ghi nhận ban đầu và trình bày**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	702.111.347	934.498.555
Tiền gửi ngân hàng	9.569.509.578	21.092.076.910
Các khoản tương đương tiền	13.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.771.620.925</b>	<b>22.026.575.465</b>

#### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
Công ty TNHH ĐT PT DL Khang Hưng	72.314.616.450	26.062.417.493
Trương Bích Trân	-	831.935.756
Công ty CP Xây dựng Địa ốc Long Kim Phát	188.443.978	-
Các khách hàng khác	139.325.500	48.578.787
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.642.385.928</b>	<b>26.942.932.036</b>

#### *Trong đó : Phải thu ngắn hạn bên liên quan bao gồm*

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty CP Xây dựng Địa ốc Long Kim Phát	188.443.978	-

#### *Phải thu dài hạn của khách hàng*

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Khách hàng cá nhân mua đất nền dự án Khu dân cư dịch vụ Giang Điền ( Khu A)	12.501.321.784	9.167.034.734
Khách hàng cá nhân mua đất nền dự án Sakura Valley	4.563.833.050	4.100.753.952
Khách hàng cá nhân mua đất nền dự án khu dân cư Giang Điền	15.764.669.035	1.301.891.765
Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Kim Long	93.633.000	93.633.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.923.456.869</b>	<b>14.663.313.451</b>

#### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng Điện Biên	2.354.545.000	2.354.545.000
Công ty CP Xây Dựng ECI	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Trang Trí Nội Thất An Nam Đô	1.085.624.160	1.085.624.160
Công ty CP Xây Dựng Phú An Thịnh	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH TM DV Nam Giang Phát	-	12.240.000.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Sài Gòn	144.598.277.920	157.926.710.557
Khác	4.371.401.454	2.300.845.740
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.809.848.534</b>	<b>180.307.725.457</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
Kho Bạc Huyện Trảng Bom	1.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Thị Quyết	2.993.120.000	2.993.120.000
Nguyễn Thị Thảo	848.100.000	848.100.000
Tạ Thị Lưu	811.330.000	811.330.000
Trần Ngọc Điệp	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Văn Trang	2.470.725.000	2.470.725.000
Nguyễn Hữu Thông	557.280.000	557.280.000
Khác	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.883.555.000</b>	<b>8.883.555.000</b>
<b>8. PHẢI THU NGẮN HẠN</b>		
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	5.086.900	5.086.900
Công ty Cổ phần Vina Holdings	5.500.000.000	-
Tạm ứng nhân viên mua vật tư hàng hóa	5.368.928.456	2.763.933.016
Tạm ứng nhân viên thực hiện dự án	70.312.000.000	-
Tạm ứng lương	-	205.000.000
Các khoản phải thu khác	519.629.538	176.138.170
Ký quỹ thuê văn phòng tại TP.HCM, TP.Biên Hòa	332.914.000	679.646.959
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.038.558.894</b>	<b>3.829.805.045</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ tại NH TMCP BIDV VN - PGD Phú Quốc	10.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	572.046.959	277.914.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.572.046.959</b>	<b>20.277.914.000</b>
<b>9. HÀNG TỒN KHO</b>		
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nguyên vật liệu	311.221.421	403.928.993
Công cụ, dụng cụ	220.986.199	269.311.492
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.093.974.306.286	1.221.242.218.579
- Dự án khu dân cư dịch vụ Giang Điền (Khu A)	635.637.790.732	682.236.547.214
- Dự án Sakura Valley	204.052.291.233	256.688.789.870
- Dự án khu dân cư Giang Điền	254.284.224.321	282.316.881.495
Hàng hoá	472.382.706	629.994.511
Hàng hóa bất động sản	55.215.553.261	55.215.553.261
- 07 Căn hộ TMDV Phú Gia Hưng, Quận Gò Vấp, TP.HCM	26.970.909.090	26.970.909.090
- 24 nền Khu dân cư Phú An, Trảng Bom, Đồng Nai	15.695.811.490	15.695.811.490
- 31 nền Khu dân cư Phú An, Trảng Bom, Đồng Nai	12.548.832.681	12.548.832.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.150.194.449.873</b>	<b>1.277.761.006.836</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
Đơn vị tính : triệu đồng							
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	96.649	13.258	10.709	1.377	13.277	7.883	143.153
Mua trong kỳ	372	-	-	429	-	-	801
Số dư cuối năm	<u>97.021</u>	<u>13.258</u>	<u>10.709</u>	<u>1.806</u>	<u>13.277</u>	<u>7.883</u>	<u>143.954</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	16.001	5.732	4.768	989	7.366	2.023	36.879
Khấu hao trong kỳ	2.287	715	600	66	181	138	3.987
Số dư cuối năm	<u>18.288</u>	<u>6.447</u>	<u>5.368</u>	<u>1.055</u>	<u>7.547</u>	<u>2.161</u>	<u>40.866</u>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm	<u>80.648</u>	<u>7.526</u>	<u>5.941</u>	<u>388</u>	<u>5.911</u>	<u>5.860</u>	<u>106.274</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>78.733</u>	<u>6.811</u>	<u>5.341</u>	<u>751</u>	<u>5.730</u>	<u>5.722</u>	<u>103.088</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 9.209.411.765 VND

#### 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.141.934.975	236.106.600	1.365.646.584	15.743.688.159
Mua trong kỳ	-	38.840.000	-	38.840.000
Số dư cuối năm	<u>14.141.934.975</u>	<u>274.946.600</u>	<u>1.365.646.584</u>	<u>15.782.528.159</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	3.097.285.687	174.553.359	55.241.076	3.327.080.122
Khấu hao trong kỳ	307.391.136	11.330.596	49.016.160	367.737.892
Số dư cuối năm	<u>3.404.676.823</u>	<u>185.883.955</u>	<u>104.257.236</u>	<u>3.694.818.014</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	<u>11.044.649.288</u>	<u>61.553.241</u>	<u>1.310.405.508</u>	<u>12.416.608.037</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>10.737.258.152</u>	<u>89.062.645</u>	<u>1.261.389.348</u>	<u>12.087.710.145</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 41.862.000 VND

#### 12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		
Dự án Grand World - Phú Quốc	296.769.647.057	231.775.678.603
Dự án Xã Đồi 61 - Đồng Nai	65.648.837.217	65.648.837.217
Dự án Phước Tân - Đồng Nai	65.085.281.013	65.085.281.013
Dự án chung cư Marina Tower	65.987.244.091	65.987.244.091
Dự án Biệt thự vườn Khoa Nguyễn	45.452.483.842	45.452.483.842
Dự án Khác - Giang Điền, Đồng Nai	12.222.514.225	12.222.514.225
<b>Tổng cộng</b>	<u>551.166.007.445</u>	<u>486.172.038.991</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình xây dựng dở dang của Suối Mơ.	5.763.007.674	5.784.067.674
<b>13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC</b>		
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần King Land	38.390.200.000	38.390.200.000
Công ty TNHH ĐT&PT Du lịch Khang Hưng	-	5.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.390.200.000</b>	<b>43.890.200.000</b>
<b>14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>		
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	927.505.880	678.361.735
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	342.010.220	723.407.916
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.269.516.100</b>	<b>1.401.769.651</b>
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ đang phân bổ	999.548.324	1.282.734.174
Chi phí môi giới dự án KDC Giang Điền và Sakura Valley	20.894.908.264	18.081.496.182
Chi phí trả trước dự án Grand World	7.900.422.080	4.826.833.987
Chi phí khác chờ phân bổ	3.299.356.953	5.185.064.756
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.094.235.621</b>	<b>29.376.129.099</b>
<b>15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>		
		VND
Tại ngày 01/01/2016		59.439.872.021
Tăng trong năm		-
Phân bổ vào chi phí trong năm		(3.738.451.959)
Tại ngày 30/06/2016		<b>55.701.420.062</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 16. NỢ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Nợ phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Phải trả người bán bên liên quan	8.128.562.500	7.104.812.500
CTY CP CẤP NƯỚC LONG KHÁNH	900.000.000	1.500.000.000
CTY CP Điện Tự Động Nam Thịnh	2.797.319.000	3.097.319.000
CTY SONADEZI	2.000.000.000	2.000.000.000
CTY TNHH XD TM DV THÀNH TRÍ	8.601.090.000	11.409.090.000
CTY TNHH TƯ VẤN VÀ XD ĐIỆN BIÊN	150.000.000	250.000.000
CÔNG TY TNHH VÂN NGA PHÁT	5.904.080.612	5.775.214.940
Công ty TNHH PTW Việt Nam	1.825.527.000	1.825.527.000
Công ty TNHH TM Công nghiệp Dầu Khí Đại Thành Phú Quốc	1.282.743.000	1.050.296.750
DNTN Thiên Thuận Phú Quốc	2.584.387.450	1.388.527.150
Công ty CP Xây Dựng Phước Thành	4.145.454.545	7.145.454.545
Công ty TNHH TM DV Nam Giang Phát	2.348.954.166	-
Công ty TNHH Tuấn Vũ Phú Quốc	1.356.055.000	-
Công ty CP Hà Đô 1	1.583.182.200	305.339.200
Khác	6.556.525.241	5.831.696.753
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.163.880.714</b>	<b>48.683.277.838</b>

#### *Trong đó : Phải trả người bán bên liên quan bao gồm*

Công ty CP DV và XD Địa Ốc Đất Xanh	8.128.562.500	7.104.812.500
-------------------------------------	---------------	---------------

#### 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Đây là khoản thu tiền đặt cọc của khách hàng mua sản phẩm thuộc các Dự án: Khu Dân cư The Viva (Khu A), Sakura Valley và Khu Dân cư Giang Điền tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

#### 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	16.200.266.394	13.696.369.285
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.839.218.747	54.661.333.631
Thuế tiêu thụ đặc biệt	523.428	438.466
Thuế thu nhập cá nhân	2.123.252.608	1.318.259.275
Các khoản thuế phải nộp khác	2.937.328.395	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.100.589.572</b>	<b>69.676.400.657</b>

#### 19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	101.414.355	70.008.775
Bảo hiểm xã hội	530.411.154	1.717.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.027.229.315	2.810.229.315
Thu hộ	1.251.985.646	1.604.716.555
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.657.127.595	697.404.195
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.568.168.065</b>	<b>5.184.076.013</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	10.000.000.000	10.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả:	800.016.000	4.400.016.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN KCN Biên Hòa	600.000.000	4.200.000.000
Ngân hàng TMCP Sacombank	200.016.000	200.016.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.800.016.000</b>	<b>14.400.016.000</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Việt Á	40.682.721.590	40.682.721.590
Ngân hàng TMCP Sacombank	624.970.000	724.978.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.307.691.590</b>	<b>41.407.699.590</b>

#### 21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng dành cho ban điều hành	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	5.874.939.684	989.903.707	-	6.864.843.391
Trích lập trong kỳ	2.757.056.584	1.102.822.634	2.863.822.862	6.723.702.080
Sử dụng trong kỳ	(1.943.837.336)	(883.656.859)	-	(2.827.494.195)
Tại ngày 30/06/2016	<b>6.688.158.932</b>	<b>1.209.069.482</b>	<b>2.863.822.862</b>	<b>10.761.051.276</b>

#### 22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trích trước chi phí phải trả của dự án khu dân cư The Viva (Khu A)	603.587.063.079	614.206.382.339
Trích trước chi phí phải trả của dự án khu dân cư Giang Điền	97.499.995.474	131.436.320.394
Trích trước chi phí phải trả của dự án khu dân cư Sakura Valley	134.186.196.037	176.733.936.892
<b>Tổng cộng</b>	<b>835.273.254.590</b>	<b>922.376.639.625</b>

#### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ Đầu tư & Phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	750.000.000.000	419.051.184	49.840.349.309	100.482.287.803	900.741.688.296
Điều chỉnh số đầu kỳ	-	1.000.148.060	23.669.034.190	(24.717.692.693)	(48.510.443)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(299.504.800)	-	(299.504.800)
Lợi nhuận	-	-	44.598.209.551	5.758.241.910	50.356.451.461
Điều chỉnh hợp nhất	-	292.900.229	29.086.580.869	3.862.831.949	33.242.313.047
Tại ngày 30/06/2015	<b>750.000.000.000</b>	<b>1.712.099.473</b>	<b>146.894.669.119</b>	<b>85.385.668.969</b>	<b>983.992.437.561</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

	Vốn điều lệ	Quý Đầu tư & Phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	750.000.000.000	4.138.104.467	207.194.713.833	40.783.830.194	1.002.116.648.494
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.248.164.960)	(475.537.120)	(6.723.702.080)
Lợi nhuận	-	-	86.062.923.465	10.715.099.583	96.778.023.048
Tại ngày 30/06/2016	<u>750.000.000.000</u>	<u>4.138.104.467</u>	<u>287.009.472.338</u>	<u>51.023.392.657</u>	<u>1.092.170.969.462</u>

#### Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.000.000	75.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.000.000	75.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	75.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.000.000	75.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.000.000	75.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ		

#### 24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

##### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu hoạt động bất động sản	81.027.307.146	178.972.078.895	213.960.871.180	220.725.681.790
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.983.249.076	8.127.969.053	32.961.941.225	14.121.713.612
Doanh thu cung cấp dịch vụ-bên liên quan	1.310.151.470	52.953.983	2.517.291.753	144.066.870
<b>Tổng cộng</b>	<u>100.320.707.692</u>	<u>187.153.001.931</u>	<u>249.440.104.158</u>	<u>234.991.462.272</u>

##### Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	3.292.709.017	1.331.847.286	4.035.237.926	1.331.847.286
---------------------	---------------	---------------	---------------	---------------

##### Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	77.734.598.129	177.640.231.609	209.925.633.254	219.393.834.504
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.983.249.076	8.127.969.053	32.961.941.225	14.121.713.612
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ-bên liên quan	1.310.151.470	52.953.983	2.517.291.753	144.066.870
<b>Tổng cộng</b>	<u>97.027.998.675</u>	<u>185.821.154.645</u>	<u>245.404.866.232</u>	<u>233.659.614.986</u>

##### Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan bao gồm

Doanh thu cung cấp dịch vụ Công ty CP DV XD và Địa ốc Đất Xanh	-	52.953.983	-	144.066.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ Công ty CP Xây dựng Địa ốc Long Kim Phát	1.310.151.470	-	2.517.291.753	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>1.310.151.470</u>	<u>52.953.983</u>	<u>2.517.291.753</u>	<u>144.066.870</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	(7.167.370.808)	95.189.511.504	60.094.699.010	115.455.114.346
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.928.391.885	5.490.664.006	19.003.063.606	9.928.195.314
<b>Tổng cộng</b>	<b>761.021.077</b>	<b>100.680.175.510</b>	<b>79.097.762.616</b>	<b>125.383.309.660</b>

#### 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Tiền thu từ lãi tiền gửi	26.904.437	158.306.461	63.425.040	374.491.987
Tiền lãi cho vay Công ty TNHH Du Lịch Phú Lạc	-	133.500.000	-	226.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.904.437</b>	<b>291.806.461</b>	<b>63.425.040</b>	<b>600.991.987</b>

#### 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Lãi tiền vay ngân hàng	20.968.661	44.661.694	47.164.926	64.513.723

#### 28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.008.772.847	3.002.992.837	9.062.653.542	4.374.375.934
Chi phí vật liệu	-	4.740.000	-	32.540.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	44.158.418	426.520.490	105.717.449	508.779.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.618.333	-	1.618.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	914.521.587	6.400.716.419	1.633.513.417	6.483.020.738
Chi phí bằng tiền khác	204.486.807	1.503.578.369	1.012.213.340	1.769.011.740
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.173.557.992</b>	<b>11.338.548.115</b>	<b>11.815.716.081</b>	<b>13.167.728.266</b>

#### 29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí nhân viên	6.760.182.760	4.595.955.524	13.118.666.700	7.545.282.615
Chi phí vật liệu	101.206.905	(81.852.351)	206.329.046	29.547.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	813.716.741	215.352.936	1.572.811.803	437.084.651
Chi phí khấu hao TSCĐ	379.996.694	361.475.344	784.162.847	677.850.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.542.244.340	565.296.714	2.521.579.720	859.412.323
Phân bổ lợi thế thương mại	1.867.086.707	1.870.918.839	3.738.451.959	3.738.139.951
Phí và lệ phí	22.022.200	27.488.100	47.817.200	46.910.100
Chi phí bằng tiền khác	907.579.015	1.754.510.421	3.292.058.825	2.544.426.858
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.394.035.362</b>	<b>9.309.145.527</b>	<b>25.281.878.100</b>	<b>15.878.654.509</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### 30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí vật liệu	101.206.905	(77.112.351)	206.329.046	62.087.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	857.875.159	641.873.426	1.678.529.252	945.864.505
Chi phí nhân công	9.768.955.607	7.598.948.361	22.181.320.242	11.919.658.549
Phân bổ lợi thế thương mại	1.867.086.707	1.870.918.839	3.738.451.959	3.738.139.951
Chi phí khấu hao TSCĐ	381.615.027	361.475.344	785.781.180	677.850.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.456.765.928	6.966.013.133	4.155.093.138	7.342.433.061
Chi phí bằng tiền khác	1.134.088.022	3.285.576.890	4.352.089.365	4.360.348.698
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.567.593.355</b>	<b>20.647.693.642</b>	<b>37.097.594.182</b>	<b>29.046.382.775</b>

#### 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	18.399.697.189	14.792.843.292	28.612.428.647	18.584.688.237

#### 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Quý 2 năm nay VND	Quý 2 năm trước VND	Lũy kế năm nay VND	Lũy kế năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(113.238.560)	-	(271.240.578)	-

#### 33. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.060.850.590	44.598.209.551
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.248.164.960)	(299.504.800)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.812.685.630	44.298.704.751
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	75.000.000	75.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>598</b>	<b>591</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>506</b>	<b>501</b>

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2016 tăng gần 14,5% so với Quý II/2015. Biến động này chủ yếu là doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản - Dự án The Viva; Dự án Khu dân cư Giang Điền; Dự án Sakura Valley.

#### 34. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

##### Tên bên liên quan

Công ty TNHH Du lịch Phú Lạc  
Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh  
Công ty CP Xây dựng Địa ốc Long Kim Phát  
Ông Lê Kỳ Phùng  
Ông Nguyễn Khánh Hưng  
Ông Lê Thanh Vinh

##### Mối quan hệ

Công ty liên kết  
Công ty liên kết  
Cổ đông góp vốn  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

Ông Nguyễn Phạm Anh Tài	Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính
Ông Thạch Mạnh Sang	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Kim Điền	Thành viên HĐQT

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản	1.310.151.470	52.953.983
Nhận dịch vụ	39.992.427	-
Lãi vay vốn hóa	511.875.000	1.582.500.000
Lãi cho vay	-	133.500.000

**Số dư với các bên liên quan:**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Các khoản phải thu	188.443.978	-
Các khoản phải trả	8.128.562.500	7.104.812.500
Vay ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000

**Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc**

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc	936.587.509	457.325.000

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay dài hạn, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Tập đoàn chịu ảnh hưởng của rủi ro liên quan đến giá thị trường là rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích Tập đoàn và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Tập đoàn dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tập đoàn dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Tập đoàn và các công ty con theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong thuyết minh số 5. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	10.800.016.000	41.307.691.590	52.107.707.590
Phải trả nhà cung cấp	50.163.880.714	-	50.163.880.714
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	835.273.254.590	835.273.254.590
Các khoản phải trả khác	2.027.229.315	-	2.027.229.315
<b>Cộng</b>	<b>62.991.126.029</b>	<b>876.580.946.180</b>	<b>939.572.072.209</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	14.400.016.000	41.407.699.590	55.807.715.590
Phải trả nhà cung cấp	48.683.277.838	11.209.391	48.694.487.229
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	922.376.639.625	922.376.639.625
Các khoản phải trả khác	2.810.229.315	-	2.810.229.315
<b>Cộng</b>	<b>65.893.523.153</b>	<b>963.795.548.606</b>	<b>1.029.689.071.759</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tiếp tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/06/2016

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

□ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ LDG VÀ CÁC CÔNG TY CON

104/4 ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính được đính kèm*

- Các khoản vay ngân hàng được ghi nhận theo phương pháp chiết khấu sử dụng tỷ lệ lãi suất thực tế. Việc xác định giá trị chiết khấu có tính đến các chiết khấu hoặc phụ trội cũng như các khoản phí hoặc chi phí khác là một phần không thể tách rời của lãi suất thực tế. Tại ngày 30/06/2016, Tập đoàn đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản vay ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp tương đương với giá trị ghi sổ do các khoản mục này có mức lãi suất thả nổi tương đương với lãi suất thị trường; và
  - Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ
- Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2016 của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2016		01/01/16		30/06/2016	01/01/16
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương	23.771.620.925	-	22.026.575.465	-	23.771.620.925	22.026.575.465
Phải thu khách hàng	105.565.842.797	-	41.606.245.487	-	105.565.842.797	41.606.245.487
Phải thu khác	10.904.960.959	-	20.957.560.959	-	10.904.960.959	20.957.560.959
<b>Cộng</b>	<b>140.242.424.681</b>	<b>-</b>	<b>84.590.381.911</b>	<b>-</b>	<b>140.242.424.681</b>	<b>84.590.381.911</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Vay	52.107.707.590	-	55.807.715.590	-	52.107.707.590	55.807.715.590
Phải trả nhà cung cấp	50.163.880.714	-	48.694.487.229	-	50.163.880.714	48.694.487.229
Chi phí phải trả	835.273.254.590	-	922.376.639.625	-	835.273.254.590	922.376.639.625
Phải trả khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>937.544.842.894</b>	<b>-</b>	<b>1.026.878.842.444</b>	<b>-</b>	<b>937.544.842.894</b>	<b>1.026.878.842.444</b>

#### 36. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng Đại diện do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 07 năm 2016 thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư LDG tại Hà Nội

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư LDG ngày 13 tháng 06 năm 2016 thông qua việc chi trả cổ tức 2015 bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ 18% trong quý 2 hoặc quý 3 năm 2016

#### 37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt và phát hành vào ngày tháng năm 2016

Người lập biểu




BÙI ÁI HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ ĐÌNH BAN

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2016  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



LÊ KỶ PHÙNG